

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI APEC GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI APEC GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: APEC GROUP INVESTMENT AND TRADING GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: APEC GROUP.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109239533

3. Ngày thành lập: 26/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 266, thôn Phương Quan, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
2.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
3.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
4.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)	4719
5.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
6.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
7.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)	7020
8.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
9.	Khai thác gỗ	0220
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
11.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
12.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
13.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
14.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
15.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
16.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
17.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản	1079

18.	Sản xuất giày, dép	1520
19.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản	6820
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khóa; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su; - Mua bán sắt, thép, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, thiết bị điện, nước, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh. (Điều 28 Luật Thương mại 2005)	8299
22.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày -Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
23.	Cho thuê xe có động cơ	7710
24.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9, điều 34 Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô).	4933
25.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
26.	Thu gom rác thải độc hại	3812
27.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
28.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
29.	Tái chế phế liệu	3830
30.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
31.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
32.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
33.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
34.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
35.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
36.	Bốc xếp hàng hóa	5224

37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics (Nghị định 163/2017/NĐ-CP Quy định về kinh doanh dịch vụ logistics)	5229
38.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
39.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
40.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
41.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
42.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe taxi(Điều 6 Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4931
43.	Vận tải hành khách đường bộ khác - Vận tải hành khách bằng oto theo tuyến cố định (Điều 4 Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô) - Vận tải hành khách theo hợp đồng (Điều 7 Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4932
44.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
45.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
46.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
47.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
48.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
49.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
50.	Xây dựng nhà không để ở	4102
51.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
52.	Bán buôn thực phẩm	4632
53.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
54.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
55.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
56.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (trừ dịch vụ Nhà nước cấm)	8110
57.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
58.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại Nhà nước cấm)	4741
59.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
60.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

61.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
62.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
63.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
64.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
65.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
66.	Bán buôn đồ uống	4633
67.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
68.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
69.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết:- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	4649
70.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
71.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...;	4799
72.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
73.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải	4641
74.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
75.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
76.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
77.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

78.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Công trình dân dụng	4299
79.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
80.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
81.	Phá dỡ	4311
82.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
83.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm việc cho nổ, dò bom, mìn và các loại tương tự)	4312
84.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
85.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
86.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
87.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất; Dịch vụ thiết kế đồ thị; Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7410
88.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN ĐIỀN	Thôn Quýt 1, Xã Tuy Lai, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	20,000	001085020254	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	40.000	400.000.000	20,000		
2	NGUYỄN VĂN QUẢNG	Thôn Hùng Tâm, Xã Yên Thắng, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	60,000	036088000703	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	60,000		

3	ĐẶNG THỊ YẾN	Đội 13, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	20,000	0011920040 64
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	40.000	400.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN QUẢNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/03/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036088000703

Ngày cấp: 19/10/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hùng Tâm, Xã Yên Thắng, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 266, thôn Phương Quan, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội